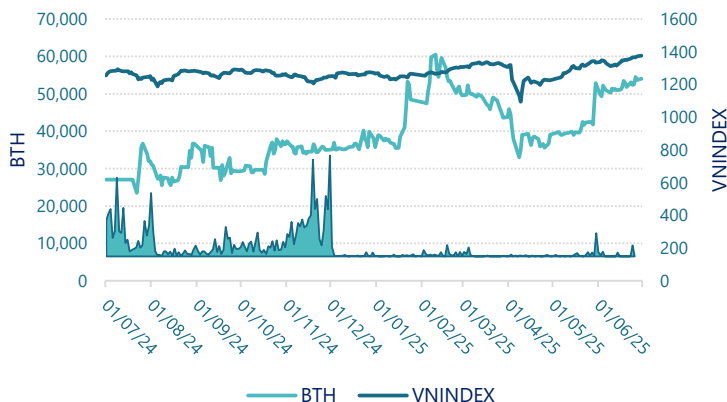




CTCP Chế tạo biến thể và Vật liệu điện Hà Nội (UPCOM: BTH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	54,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	60,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,498
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,465
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,350
P/E	4.1
EPS	13,315

DT thuần

Q2/25

5.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.51| -54.2%

YoY: ▼1,209| -99.5%

LN sau thuế

Q2/25

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.40| -4.0%

YoY: ▼389| -97.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

249%

+/- YoY: ▲ 208%

DT thuần

6T 2025

17.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,197| -98.6%

LN sau thuế

6T 2025

20.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼377| -94.7%

ROE

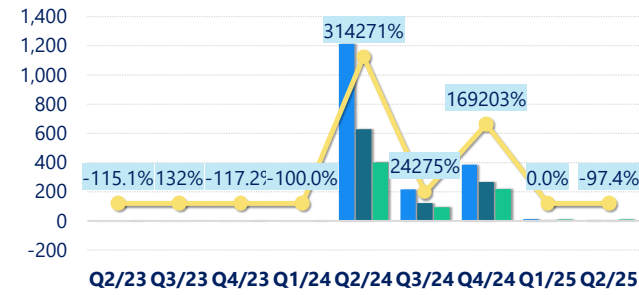
Q2/25

68.2%

+/- YoY: ▼ 17.2%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

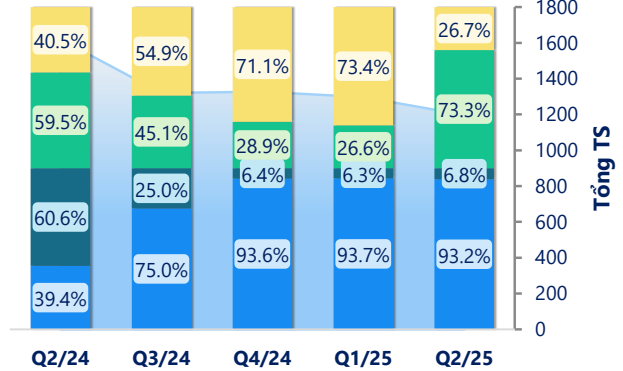


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

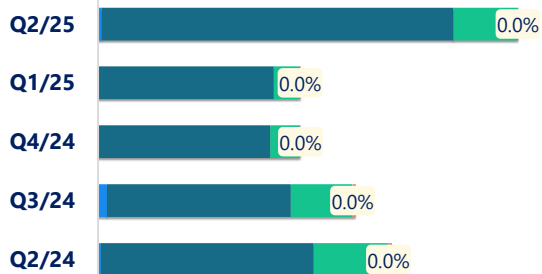
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

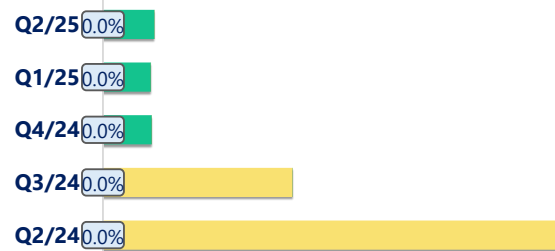
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

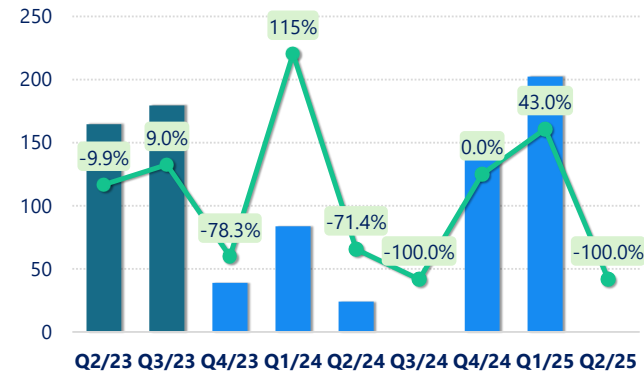


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dở dang
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

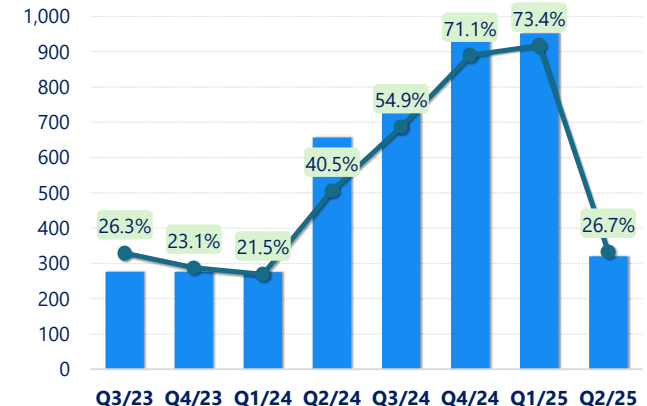


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

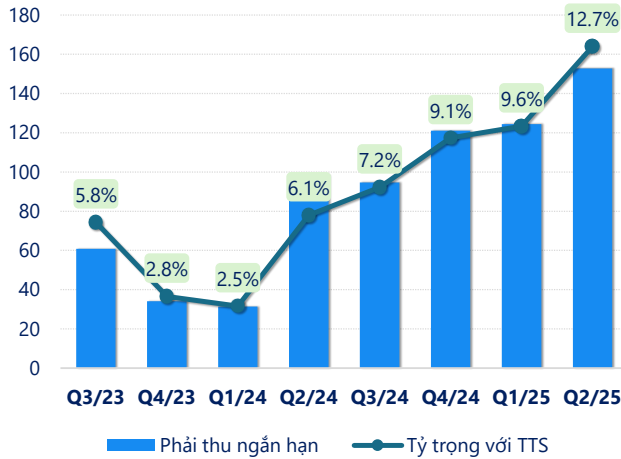
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

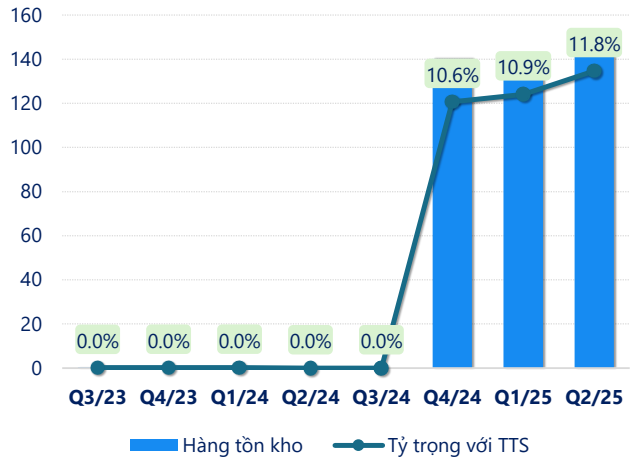
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


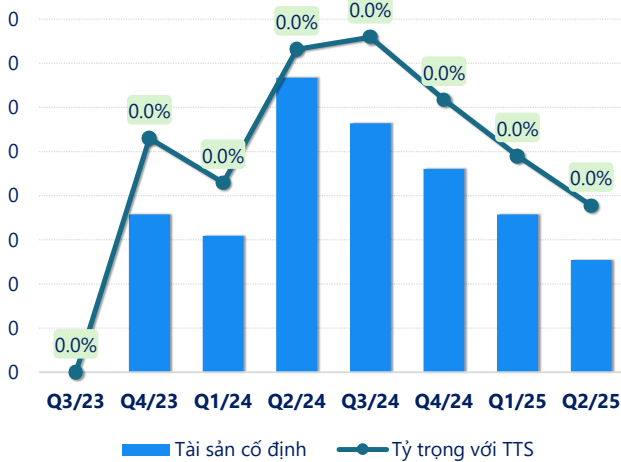
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


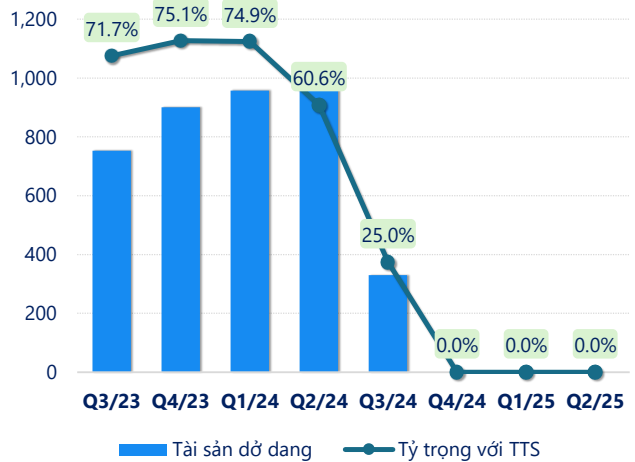
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

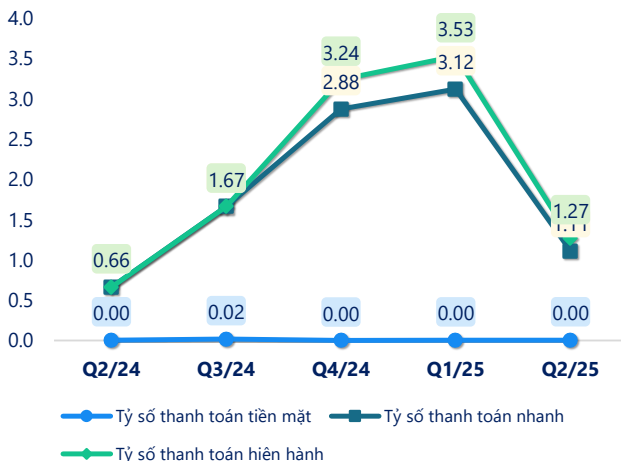
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

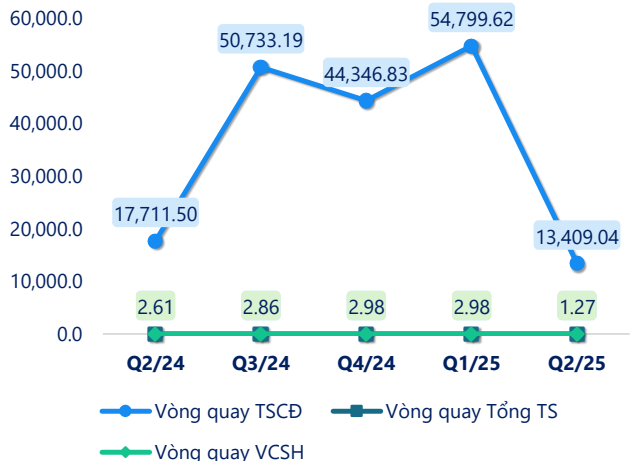
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,620	1,321	1,326	1,297	1,198
Tài sản ngắn hạn	639	991	1,241	1,215	1,117
Tiền và tương đương tiền	4.12	10.8	0.38	1.04	3.88
Đầu tư tài chính ngắn hạn	536	885	980	949	819
Phải thu ngắn hạn	98.3	94.7	121	124	153
Hàng tồn kho	0	0	140	141	141
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.06	0.05	0.02	0.01
Tài sản dài hạn	981	330	85.2	81.8	81.2
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.07	0.06	0.05	0.04	0.03
Bất động sản đầu tư	0	0	84.8	81.4	80.9
Tài sản dở dang	981	330	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.18	0.37	0.31	0.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	964	595	383	345	878
Nợ ngắn hạn	964	595	383	344	878
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.0	0	142	202	0
Phải trả người bán ngắn hạn	68.5	38.0	27.7	9.47	8.46
Nợ dài hạn	0	0	0	0.79	0.79
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	656	726	943	952	320
Vốn chủ sở hữu	656	726	943	952	320
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)